TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 507/2018/DS-ST
Ngày: 22/5/2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoài An

2. Ông Hoàng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1168/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn : Bà Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn bà Đ vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

+ Về số tiền vay: Ngày 25/5/2015 do có quen biết với bà Phạm Thị Anh Đ và bà Đ nhiều lần hỏi vay bà N số tiền 100.000.000 đồng để tổ chức làm đầu thảo mở các dây hụi, với lãi suất là: 4%/ tháng. Do tin tưởng, nên bà N đưa tiền cho bà Đ vay.

Trong nội dung giấy mượn tiền ngày 25/5/2015 thì bà Đ viết cam kết mỗi ngày góp 3.000.000đ. Mỗi tháng đáo hạn lại một lần.

Đáo hạn lần 1, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 25/6/2015;

Đáo hạn lần 2, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 25/8/2015;

Đáo hạn lần 3, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 21/9/2015;

Đáo hạn lần 4, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 26/11/2015;

Đáo hạn lần 5, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 26/12/2015;

Đáo hạn lần 6, bà Đ có viết giấy nợ vào ngày 26/01/2016;

Trong thời gian vay thì bà Đ có trả cho bà N được số tiền nợ gốc là 24.000.000 đồng và bà N chưa nhận tiền lãi từ bà Đ.

Đến ngày 22/02/2016, bà Đ bỏ trốn khỏi địa phương, mọi người phát hiện bà Đ vỡ hụi, từ đó đến nay số tiền 76.000.000 đồng nợ gốc bà Đ vay không trả cho bà N, mặc dù bà N rất nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ.

+ Về số tiền chồng hụi cho bà Đ:

Trong thời gian bà Phạm Thị Anh Đ tổ chức làm chủ hụi (theo thể thức góp vốn lãnh hụi); kêu gọi nhiều người tham gia vào các dây hụi của bà Đ. Do tin tưởng, bà N tham gia vào các dây hụi của bà Đ. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/7/2015 bà Đ mở dây hụi tháng 1.000.000 đồng theo giấy ngày 10/7/2015 bà Đ ký xác nhận. Theo dây hụi này thì bà N giao cho bà Đ mỗi phần hụi là 10.380.000 đồng. Bà N đã giao 08 phần hụi, tổng cộng bà N đưa cho bà Đ số tiền là: 83.040.000 đồng. Đến ngày 10/02/2016, bà N hốt hụi được 07 phần. Còn lại 01 phần hụi là 10.380.000 đồng bà Đ thiếu lại chưa trả cho bà N.

Lần 2: Ngày 25/8/2015, bà Đ mở thêm dây hụi tháng 3.000.000 đồng theo giấy 25/8/2015 bà Đ ký xác nhận. Theo dây hụi này bà N giao mỗi phần hụi là 29.800.000 đồng và bà N tham gia 10 phần hụi và giao cho bà Đ số tiền là 298.000.000 đồng. Đến ngày 25/01/2016, bà N hốt hụi được 06 phần. Còn lại 04 phần hụi số tiền là 119.200.000đ, bà Đ chưa trả.

Lần 3, ngày 10/11/2015, bà Đ mở thêm dây hụi tháng 5.000.000 đồng, theo giấy ngày 10/11/2015 bà Đ ký xác nhận. Theo dây hụi này thì bà N giao 01 phần hụi (mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng) và bà N giao cho bà Đ mỗi tháng phần hụi là 51.900.000 đồng. Bà N giao cho bà Đ 14 phần hụi và đưa cho bà Đ số tiền là 726.600.000 đồng.

Đến ngày 10/12/2015 theo giấy 10/12/2015 bà Đ ký xác nhận, bà Đ rủ bà N chơi thêm một phần hụi và bà N đưa cho bà Đ số tiền là 53.050.000 đồng.

Tổng cộng là bà N chơi 15 phần hụi với số tiền là 779.650.000 đồng. Đến ngày 10/02/2016, bà N hốt hụi được 06 phần. Còn lại 09 phần hụi số tiền là: 467.100.000 đồng, bà Đ cũng chưa trả.

Lần 4: Ngày 30/6/2015, tại dây hụi tháng 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Mai làm chủ hụi. Bà Đ tham gia chơi 2 phần, bà Đ nói với bà N giao luôn cho bà Đ 2 phần hụi này, mỗi phần hụi là 22.750.000 đồng, bà N đưa cho bà Đ số tiền là 45.500.000 đồng có chữ ký xác nhận của bà Đ theo giấy ngày 30/6/2015. Số tiền này bà Đ cũng không trả.

Lần 5: Ngày 15/01/2016, bà Đ mở thêm dây hụi tháng 2.000.000 đồng theo giấy 15/01/2016 bà Đ ký xác nhận.Theo dây hụi này thì bà N giao cho bà Đ mỗi phần hụi số tiền 22.450.000 đồng. Bà N giao 3 phần hụi và đưa cho bà Đ số tiền 67.350.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, từ ngày vỡ hụi đến nay bà Đ chưa trả.

Lần 6: Ngày 20/02/2016, bà Đ mở thêm dây hụi tháng 3.000.000 đồng theo giấy ngày 20/02/2016 bà Đ ký xác nhận. Theo dây hụi này bà N tham gia chơi 04 phần hụi, số tiền là 8.800.000 đồng và giao mỗi phần hụi là 27.600.000 đồng. Bà N giao 08 phần hụi, tổng cộng đưa cho bà Đ số tiền là: 220.800.000 đồng đến nay bà Đ vẫn chưa thanh toán số tiền này.

+ Tổng cộng số tiền 06 lần tham gia vào các dây hụi, bà Đ bỏ đi không trả tiền cho bà N là: 930.330.000 đồng.

Kể từ ngày 22/02/2016, bà Đ bỏ trốn khỏi địa phương, mọi người phát hiện bà Đ vỡ hụi, không giao tiền hụi cho bà N và các thành viên chơi hụi khác.

Do không tìm được bà Đ nên bà N gởi đơn tố cáo bà Đ đến Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 18/04/2017, Công an Quận C ra Thông báo kết quả giải quyết: không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc, vì bà Đ vẫn đang còn cư trú tại địa phương không có hành vi bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Tại cơ quan Điều tra Công an Quận C khi mời bà Đ lên làm việc, theo Biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị Anh Đ ngày 25/08/2016 thì bà Đ có khai như sau: "*Tôi có vay, nhận tiền chồng hụi của chị N 929.380.000 đồng".*

Tại biên bản làm việc ngày 5/4/2017 tại Công an Quận C thì ý kiến của bà N như sau: "*Bà Đ còn nợ 76.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay 4.000.000 đồng; 849.380.000 đồng tiền hụi tổng cộng là 929.380.000 đồng"* và ý kiến của bà Đ như sau: "*Chị Đ vẫn thừa nhận còn nợ chị N số tiền 929.380.000 đồng. Chị Đ đã sử dụng số tiền chồng hụi của chị N để cho người khác chơi hụi*".

Do bà Đ xác nhận còn nợ số tiền nêu trên nên bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Đ phải trả số tiền như sau:

Số tiền nợ vay gồm nợ gốc 76.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng tổng cộng là 80.000.000 đồng;

Số tiền nợ hụi là 849.380.000 đồng;

Tổng cộng bà Đ phải trả số tiền 929.380.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Anh Đ không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Lê Thị N và bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải tổng cộng số tiền 929.380.000 đồng 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật các khoản sau:

- Trả số tiền nợ gốc 76.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 25/5/2015.

- Nợ hụi : trả 849.380.000 đồng theo giấy 10/7/2015, ngày 25/8/2015, ngày 10/11/2015, ngày 10/12/2015, ngày 30/6/2015, ngày 15/01/2016 và ngày 20/02/2016.

Bị đơn bà Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà N khởi kiện bà Đ phải trả số tiền vay và nợ hụi còn thiếu là phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị Anh Đ ngày 25/8/2016 do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập tài liệu chứng cứ này tại Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đ khai như sau: " *Tôi rời nhà đi vào khoảng 22/02/2016 mà không thông báo với chính quyền địa phương do bị chủ nợ khác đến nhà ở Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh gây áp lực nên tôi phải sang nhà chồng ở số 31 đường LT, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để tránh mặt họ...*". Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Tại số nhà số 31 đường LT, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không có đương sự tên Phạm Thị Anh Đ...*". Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Bà Phạm Thị Anh Đ sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú 348/5 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay, hiện bà Đ ở đâu không rõ...*", do bà Đ thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được qui định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đ có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn bà Đ được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[1.6] Bị đơn bà Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu nguyên đơn bà N buộc bị đơn bà Phạm Thị Anh Đ phải trả tổng cộng số tiền 929.380.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật các gồm các khoản sau:

- Số tiền vay gồm nợ gốc 76.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng tổng cộng là 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/5/2015;

- Số tiền nợ hụi là 849.380.000 đồng theo các giấy 10/7/2015, ngày 25/8/2015, ngày 10/11/2015, ngày 10/12/2015, ngày 30/6/2015, ngày 15/01/2016 và ngày 20/02/2016, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1.1] Về số tiền nợ vay gồm nợ gốc 76.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng tổng cộng là 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/5/2015 thì căn cứ Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: " *1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*

5. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.", thì đối chiếu với nội dung giấy mượn tiền ngày 25/5/2015 và các giấy gia hạn nợ các ngày 25/6/2015, ngày 25/8/2015, ngày 21/9/2015, ngày 26/11/2015, ngày 26/12/2015, ngày 26/01/2016 thì giữa bà N và bà Đ thỏa thuận như sau: "*Bà Đ xác nhận có vay của bà N số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 4%/ tháng và góp mỗi ngày 3 triệu đồng/ngày bắt đầu trả ngày 26/5/2015"* và căn cứ biên bản ghi lời khai của bà Đ ngày 25/8/2016 và biên bản ghi nhận ý kiến của bà Đ ngày 05/4/2017 do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập tài liệu chứng cứ này tại Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đ thừa nhận có vay, còn nợ của bà N số tiền nợ gốc 76.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng chưa thanh toán nên từ những căn cứ viện dẫn nêu trên và theo qui định của pháp luật thì

việc bà N yêu cầu bà Đ phải trả số tiền 80.000.000 đồng là phù hợp có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Về tiền nợ hụi là 849.380.000 đồng theo các giấy 10/7/2015, ngày 25/8/2015, ngày 10/11/2015, ngày 10/12/2015, ngày 15/01/2016, ngày 30/6/2015 và ngày 20/02/2016 thì căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2016 và biên bản ghi nhận ý kiến của bà Đ ngày 05/4/2017 do Tòa án nhân dân Quận 3 thu thập tài liệu chứng cứ này tại Công an Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đ thừa nhận như sau : "*Tôi có nhận 849.380.000 đồng tiền chồng hụi của chị N với vai trò chủ hụi, nhận tiền chồng hụi và chơi hụi của chị N, chủ yếu tôi cho những người chơi hụi vay lại hoặc đã hốt hết hụi chết ban đầu, sau đó đã bỏ trốn và không đóng tiền hụi chết nữa. Số tiền còn thiếu của chị N, thì tôi sẽ thu những người còn thiếu của tôi để trả cho chị N, nếu thu không được thì tôi vẫn trả cho chị N tùy thuộc vào khả năng...*", đối chiếu nội dung các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp gồm: Giấy 10/7/2015, ngày 25/8/2015, ngày 10/11/2015, ngày 10/12/2015, ngày 15/01/2016, ngày 30/6/2015 và ngày 20/02/2016 thể hiện việc bà N và bà Đ có thỏa thuận chơi hụi, bà N giao tiền hụi cho bà Đ và bà Đ làm chủ hụi và bà Đ chưa giao trả tiền hụi cho bà N là có thật;

Căn cứ khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về họ, hụi, biêu, phường như sau: *" Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên."* và tại khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 qui định về Quyền của thành viên và Nghĩa vụ của chủ họ của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường như sau: " *1. Khi đến kỳ mở họ, thành viên được lĩnh họ có quyền nhận các phần họ từ chủ họ hoặc các thành viên khác trong họ..." và " 3. Giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ."*, từ những căn cứ viện dẫn nêu trên và theo qui định của pháp luật thì việc bà N yêu cầu buộc bà Đ phải trả số tiền hụi 849.380.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà N được chấp nhận số tiền là 39.881.400 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Thị Anh Đ phải trả cho bà Lê Thị N tổng cộng số tiền 929.380.000 đồng của giấy mượn tiền ngày 25/5/2015 và các giấy hụi chồng theo phần mà bà Phạm Thị Anh Đ ký xác nhận vào các ngày 30/6/2015, ngày 10/7/2015, ngày 25/8/2015, ngày 10/11/2015, ngày 10/12/2015, ngày 15/01/2016, ngày 20/02/2016. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Phạm Thị Anh Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 39.881.400 đồng bà Phạm Thị Anh Đ phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.574.950 đồng theo biên lai thu số 0019475 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Bà Lê Thị N và bà Phạm Thị Anh Đ vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn